

Số: 252/BC-THCSPL

Nhà Bè, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2500/SGDĐT-QLCL ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện quy định về Công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Trường Trung học cơ sở (THCS) Phước Lộc, xã Nhà Bè báo cáo thường niên theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Phước Lộc.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử

Địa chỉ trường: 423/2 đường Đào Sư Tích, ấp 98 xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 37817399.

Địa chỉ thư điện tử: thcspl.xnbe@tphcm.gov.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://thcsphuocloc.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình trường: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thường xuyên thực hiện việc phổ biến, giáo dục pháp luật đối với lĩnh vực ngành Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đánh giá việc phổ biến, giáo dục pháp luật là một trong những tiêu chuẩn xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức đơn vị.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Phước Lộc được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân huyện Nhà Bè. Tháng 7 năm 2025 Trường Trung học cơ sở Phước Lộc trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè.

Trường tọa lạc tại địa chỉ số 423/2 đường Đào Sư Tích, Ấp 98, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường có diện tích 8.990,2 m² và được xây dựng 30 phòng học với đầy đủ các phòng chức năng, phòng thực hành thí nghiệm, sân chơi, bãi tập. Cơ sở vật chất đầy đủ, đúng quy định phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, nhân sự gồm Chi bộ đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chia thành 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

Năm học 2014-2015, Trường Trung học cơ sở Phước Lộc đạt kiểm định cấp độ 1 theo Quyết định số 1155-2/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 16 tháng 7 năm 2015 về công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm học 2020-2021, trường vinh dự nhận Quyết định số 1368-42/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 07 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường THCS Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Quyết định số 3417/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm

2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường THCS Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

Năm học 2024-2025, trường vinh dự nhận Quyết định số 1605-94/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận trường Trung học cơ sở Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Quyết định số 1602-23/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường Trung học cơ sở Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trong những năm học qua, nhà trường luôn quan tâm, chú trọng công tác quản lý, thường xuyên phối hợp các tổ chức trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh, nâng cao chất lượng dạy học. Với sự cố gắng của đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh trường Trung học cơ sở Phước Lộc nhiều năm đạt danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc, Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục, trường có nhiều huy chương thể thao học sinh cấp thành phố, Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chi đoàn, Liên đội xuất sắc. Nhiều cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giáo viên giỏi cấp huyện. Cũng như nhiều học sinh đạt học sinh giỏi cấp Huyện, cấp Thành phố. Học sinh nhà trường tham gia và đạt nhiều giải cao trong hội thi Thẻ dực thể thao, Hội khỏe Phù đồng cấp Huyện, Thành phố cũng như Toàn quốc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Đặng Minh Triết.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 423/2 đường Đào Sư Tích ấp 98, xã Nhà Bè.

Số điện thoại: 0938116277

Địa chỉ thư điện tử: dmtriet.xnbe@tphcm.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Trung học cơ sở Phước Lộc được thành lập theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

Từ tháng 7 năm 2025 Trường Trung học cơ sở Phước Lộc trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Phước Lộc.

- Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhà Bè về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Phước Lộc.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường được thống nhất thông qua kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-THCSPL ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng trường Trường THCS Phước Lộc.

- Chức năng:

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

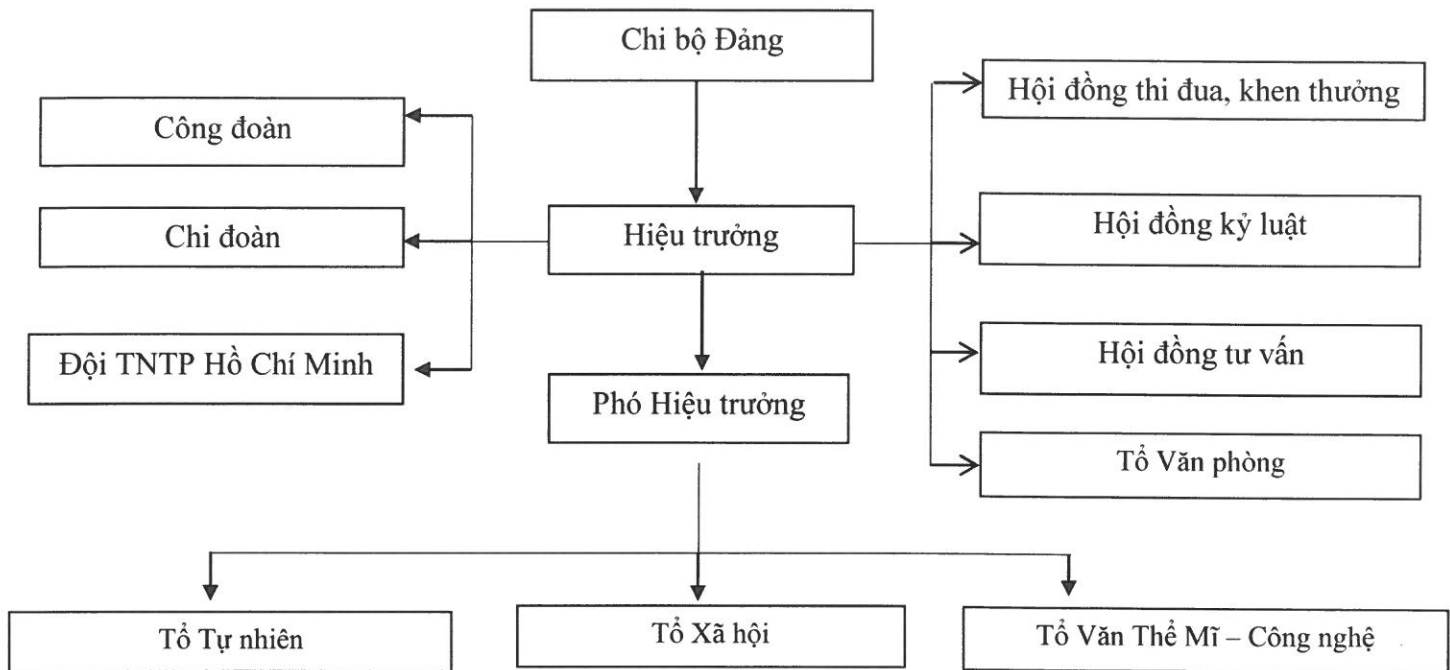
+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thường xuyên thực hiện việc phổ biến, giáo dục pháp luật đối với lĩnh vực ngành Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đánh giá việc phổ biến, giáo dục pháp luật là một trong những tiêu chuẩn xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức đơn vị.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TRƯỜNG THCS PHƯỚC LỘC



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

* Hiệu trưởng:

Họ và tên: Đặng Minh Triết.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: số 423/2 đường Đào Sư Tích, ấp 98, xã Nhà Bè.

Số điện thoại: 0938116277

Địa chỉ thư điện tử: dmtriet.xnbe@tphcm.gov.vn

Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Hiệu trưởng trường trung học là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học, hiệu trưởng được viên chức, nhân viên trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định. Hiệu trưởng công tác tại một trường trung học công lập không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Nhiệm vụ và quyền của hiệu trưởng:

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban

hành theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT;

- Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình Trung học cơ sở và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;

- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

* Phó Hiệu trưởng

Họ và tên: Hồ Như Thủy.

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: số 423/2 đường Đào Sư Tích, ấp 98, xã Nhà Bè.

Số điện thoại: 0909164955

Địa chỉ thư điện tử: hnthuy.xnbe@tphcm.gov.vn

Nhiệm vụ, trách nhiệm của Phó hiệu trưởng:

- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

- Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm phó hiệu trưởng trường trung học phải đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm kỳ của phó hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học phó hiệu trưởng được viên chức, người lao động trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định.

Nhiệm vụ và quyền của phó hiệu trưởng:

- Điều hành công việc được hiệu trưởng phân công phụ trách hoặc ủy quyền;

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với phó hiệu trưởng;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026 số 95/KH-THCSPL ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Quyết định số 203/QĐ-THCSPL ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Trường THCS Phước Lộc về việc ban hành Quy chế dân chủ năm học 2025-2026.

Quyết định số 204/QĐ-THCSPL ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Trường THCS Phước Lộc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33		4	23	2		4	17	10	
I	Giáo viên										
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	23		3	20				15	8	
1	Toán	4		2	2				2	2	

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
2	Khoa học tự nhiên	4			4				3	1	
3	Tin học	1			1					1	
4	Công nghệ	1			1			1			
5	Âm nhạc	1			1					1	
6	Mỹ thuật	1			1					1	
7	Giáo dục thể chất	2			2			2			
8	Ngữ văn	2			2			2			
9	Lịch sử - Địa lí	2		1	1			2			
10	Tiếng Anh	4			4			2	2		
11	GDCD	1			1			1			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1					2	
1	Hiệu trưởng	1		1						1	
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1	
III	Nhân viên	8			2	2		4	2		
1	Nhân viên văn thư	1				1					
2	Nhân viên kế toán	1			1			1			
3	Nhân viên thư viện	1			1			1			
4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1				1					
5	Nhân viên phục vụ	2						2			
6	Nhân viên bảo vệ	2						2			

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

STT	Nội dung	Tổng số	Đạt	Tỷ lệ	Chưa đạt	Tỷ lệ
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	23	23	100	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Đạt	Tỷ lệ	Chưa đạt	Tỷ lệ
1	Toán	4	4	100		
2	Khoa học tự nhiên	4	4	100		
3	Tin học	1	1	100		
4	Ngữ văn	2	2	100		
5	Lịch sử và Địa lí	2	2	100		
6	Tiếng Anh	4	4	100		
7	Giáo dục công dân	1	1	100		
8	Công nghệ	1	1	100		
9	Âm nhạc	1	1	100		
10	Mĩ thuật	1	1	100		
11	Giáo dục thể chất	2	2	100		
II	Cán bộ quản lý	2	2	100	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	100	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	100	0	0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Tổng số	Đạt	Tỷ lệ	Chưa đạt	Tỷ lệ
I	Giáo viên					
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	23	23	100	0	0
1	Toán	4	4	100		
2	Khoa học tự nhiên	4	4	100		
3	Tin học	1	1	100		
4	Ngữ văn	2	2	100		
5	Lịch sử và Địa lí	2	2	100		
6	Tiếng Anh	4	4	100		
7	Giáo dục công dân	1	1	100		
8	Công nghệ	1	1	100		
9	Âm nhạc	1	1	100		

STT	Nội dung	Tổng số	Đạt	Tỷ lệ	Chưa đạt	Tỷ lệ
10	Mĩ thuật	1	1	100		
11	Giáo dục thể chất	2	2	100		
II	Cán bộ quản lý	2	2	100	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	100	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	100	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Nhà trường có cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn thuận lợi cho hoạt động giáo dục. Khuôn viên trường rộng và thông thoáng, có tổng diện tích là 8990,2m², đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động trong nhà trường. Số học sinh năm học 2025-2026 là 491 học sinh, diện tích bình quân trên mỗi học sinh là 18,3 m²/học sinh.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	41	-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/1 phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	491	40,9
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8990,2	18,3 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4163	8,8 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1440	2,9 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	674	1,43 m ² /học sinh

3	Diện tích thư viện (m ²)	143	0,3 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	0,1 m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	8	2 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	7	2,3 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	7	2,3 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	8	2,67 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	7	1,75 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7	6	2 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 8	6	2 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 9	5	1,67 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	39	12 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	1 thiết bị/lớp
2	Cát xét	4	0,3 thiết bị/lớp
3	Ti vi thông minh	1	
4	Bảng tương tác	1	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	42	
XI	Nhà ăn	100	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở được bảo quản, sắp xếp gọn gàng tại phòng thiết bị và phòng thực hành, thí nghiệm.

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học tại phòng Tin học và một số phòng chức năng.

Các phòng học, phòng bộ môn đều có trang bị ti vi kết nối Internet để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Đồng thời, giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm để đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất

lượng giáo dục của nhà trường.

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	8	2,7 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	7	2,3 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	7	2,3 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	12	4 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	5	1,7 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7	5	1,7 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 8	5	1,7 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 9	00	
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	39	12 học sinh/1 bộ
III	Tổng số thiết bị đang sử dụng	19	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	1 thiết bị/lớp
2	Cát xét	04	0.3 thiết bị/lớp
3	Ti vi thông minh	01	0.08 thiết bị/lớp
4	Bảng tương tác	01	0.08 thiết bị/lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	42
XI	Nhà ăn	100

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	196	180	1,1 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,6 m ² /0,7 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nhà trường được trang bị đầy đủ sách, báo, tạp chí và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đáp ứng nhu cầu hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Sách giáo khoa lớp 6 được sử dụng tại Trường THCS Phước Lộc năm học 2025-2026:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 6 Tập 1, 2	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiền, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
2	Ngữ văn 6 (Tập 1, 2)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6 (Friends plus)	Trần Cao bội Ngọc (Chủ biên), Vũ Vạn Xuân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 6	Đình Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 6	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 6	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh
8	Giáo dục thể chất 6	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Giáo dục Việt Nam
9	Nghệ thuật (Âm nhạc 6)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh	Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Tân	
10	Nghệ thuật (Mỹ Thuật 6)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghịệp 6	Đình Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam

+ Sách giáo khoa lớp 7 được sử dụng tại Trường THCS Phước Lộc năm học 2025-2026:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng Chủ biên phần Lịch sử); Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (đồng Chủ biên phần Địa lí)	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 7 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 7 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên)	Đại học Sư phạm
10	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

+ Sách giáo khoa lớp 8 được sử dụng tại Trường THCS Phước Lộc năm học 2025-2026:

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành An (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
4	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Diệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung, Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử)	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 8 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 8 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 8 (Chân trời sáng tạo 2)	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 8 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên)	Đại học Sư phạm
10	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trú Dũng (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Lại Thị Yên Ngọc (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

+ Sách giáo khoa lớp 9 được sử dụng tại Trường THCS Phước Lộc năm học 2025-2026:

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1.	Ngữ văn 9, tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam - Nguyễn Thành Nam (đồng chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

		Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	
	Ngữ văn 9, tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam - Nguyễn Thành Nam (đồng chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	
2.	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên – Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử) Lê Phụng Hoàng – Nhữ Thị Phương Lan – Nguyễn Trà My – Trần Việt Ngọc – Nguyễn Văn Phương – Nguyễn Kim Tường Vy. Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí) – Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần địa lí) Trần Ngọc Điệp – Nguyễn Hà Quỳnh Giao – Tạ Đức Hiếu – Hoàng Thị Kiều Oanh – Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
3.	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	GS.TS Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), TS. Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thanh Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4.	Toán 9, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng; Trần Đức Huyền; Nguyễn Thành Anh; Nguyễn Văn Hiên; Ngô Hoàng Long; Huỳnh Ngọc Thanh; Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
	Toán 9, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng; Trần Đức Huyền; Nguyễn Thành Anh; Nguyễn Văn Hiên; Ngô Hoàng Long; Huỳnh Ngọc Thanh; Nguyễn Đặng Trí Tín.	

5.	Khoa học tự nhiên 9 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
6.	Tin học 9 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
7.	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
	Công nghệ 9 - Mô đun lắp đặt mạng điện trong nhà (Chân trời sáng tạo)		
8.	Âm nhạc 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
9.	Mỹ thuật 9 (Chân trời sáng tạo bản 2)	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
10.	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
11.	Hoạt động trải nghiệm và hướng	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

	ngiệp 9 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	
12.	Tiếng Anh 9 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

+ Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	-	-
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chí 3.1		x	-	-
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		-	x	-
Tiêu chí 5.4		-	x	-
Tiêu chí 5.5		-	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

+ Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Trường xây dựng Kế hoạch số 102/KH-THCSPL ngày 23 tháng 9 năm 2025 về cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025-2026.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

* Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian

Năm học 2014-2015, Trường Trung học cơ sở Phước Lộc đạt kiểm định cấp độ 1 theo Quyết định số 1155-2/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 16 tháng 7 năm 2015 về công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm học 2020-2021, trường vinh dự nhận Quyết định số 1368-42/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 07 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường THCS Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Quyết định số 3417/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường THCS Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

Năm học 2024-2025, trường vinh dự nhận Quyết định số 1605-94/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận trường Trung học cơ sở Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Quyết định số 1602-23/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường Trung học cơ sở Phước Lộc, huyện Nhà Bè đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

* Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Kế hoạch số 102/KH-THCSPL ngày 23 tháng 9 năm 2025 về cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025-2026.

Báo cáo số 103/KH-THCSPL ngày 23 tháng 9 năm 2025 về kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

- Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026: 128 học sinh.

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật năm học 2025-2026:

Khối	Số lớp	Học sinh				Số TB HS/lớp	Các loại hình lớp
		T.số	Nữ	Dân tộc	Hòa nhập		
6	3	125	54	7	0	41,67	Lớp TCTA: 02 Lớp Toán-KHTN tiếng Anh: 01
7	4	150	76	3	3	37,50	Lớp TCTA: 03 Lớp Toán-KHTN tiếng Anh: 01
8	3	132	65	2	1	44	Lớp TCTA: 02 Lớp cơ bản: 01
9	2	86	42	1	3	43	Lớp TCTA: 02
Cộng	12	493	237	13	7	41,08	Lớp TCTA: 09 Lớp Toán-KHTN tiếng Anh: 02 Lớp cơ bản: 01

- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

+ Số học sinh chuyển trường đi: 11 HS.

+ Số học sinh chuyển trường đến: 07 HS.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Kết quả xếp loại rèn luyện học sinh:

Khối lớp	TS học sinh	Năm học 2024-2025							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		HS	%	HS	%	HS	%	HS	%
6	151	140	92,72	10	6,62	1	0,66	0	0

7	130	119	91,54	11	8,46	0	0	0	0
8	88	77	87,5	9	10,23	2	2,27	0	0
9	101	89	88,12	10	9,9	2	1,98	0	0
TC	470	425	90,43	40	8,51	5	1,06	0	0

+ Kết quả xếp loại học tập học sinh:

Khối lớp	TS học sinh	Năm học 2024-2025							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		HS	%	HS	%	HS	%	HS	%
6	151	41	27,15	60	39,74	49	32,45	1	0,66
7	130	35	26,92	61	46,92	31	23,85	3	2,31
8	88	19	21,59	37	42,05	29	32,95	3	3,41
9	101	26	25,74	47	46,53	28	27,72	0	0
TC	470	121	25,74	205	43,62	137	29,15	7	1,49

- Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Khối lớp	Tổng số học sinh	Lên lớp		Không được lên lớp	
		SHS	%	SHS	%
6	151	150	99,34	0	0
7	130	127	97,69	0	0
8	88	85	96,59	0	0
9	101	101	100	0	0
TC	470	463	98,51	0	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THCS: 101/101 HS, tỉ lệ 100%.

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở: 23/101 HS, tỉ lệ 22,77%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác):

	Các khoản thu	Mức thu	Ghi chú
1.	Nguồn kinh phí		

a)	Ngân sách nhà nước	7.782.374.603 đồng	
b)	Hỗ trợ của nhà đầu tư	0	
c)	Học phí cấp bù	417.000.000 đồng	
d)	Các khoản thu tổ chức hoạt động dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định:		
	Tiền tổ chức phục vụ bán trú (Đối với học sinh bán trú)	86.047.000 đồng	
	Tiền vệ sinh lớp bán trú (Đối với học sinh bán trú)	13.216.140 đồng	
	Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh (tiền điện, bảo trì máy lạnh) (đối với những lớp có máy lạnh, phòng ngủ bán trú)	29.527.978 đồng	
e)	Các khoản thu tổ chức hoạt động giáo dục khác:		
	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	423.111.622 đồng	
	Tiền tổ chức tăng cường ngoại ngữ (Đối với các lớp học 6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 7A1, 7A2, 8A1, 8A2, 9A1)	124.815.833 đồng	
	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	166.974.481 đồng	
	Tiền tổ chức các lớp Stem	113.344.615 đồng	
	Tiền học ngoại ngữ với người nước ngoài (trừ lớp 6A1)	853.917.319 đồng	
	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (Lớp 6A1)	95.638.776 đồng	
f)	Thu các khoản hoạt động giáo dục theo Đề Án:		
	Tin học Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030	223.046.966 đồng	
g)	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:		
	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (Đối với học sinh bán trú)	13.234.694 đồng	
	Tiền ăn trưa học sinh (Đối với học sinh bán trú)	794.112.680 đồng	
	Tiền nước uống	34.388.000 đồng	
	Tiền BHYT (từ 01/01/2025-31/12/2025)	596.234.520 đồng	
2.	Loại hoạt động		
	Giáo dục và đào tạo	11.766.985.227 đồng	

- Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác:

	Các khoản chi ngân sách	Số tiền chi	Ghi chú
1.	Chi tiền lương và thu nhập		
	Lương	2.124.586.501 đồng	
	Phụ cấp	844.409.274 đồng	
	Lương tăng thêm	2.429.351.864 đồng	
	Các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...	92.227.380 đồng	
2.	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
	Chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị	65.180.492 đồng	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	68.272.603 đồng	
3.	Chi khác		
	Chi khác	1.238.497.071 đồng	
	Thi đua, khen thưởng,	118.033.000 đồng	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

STT	Kết quả thực hiện chính sách hằng năm trợ cấp, miễn giảm học phí, học bổng	Số học sinh	Số tiền/hs	Thành tiền
1	Hỗ trợ chi phí học tập	14	1.350.000	18.900.000
2	Miễn giảm học phí đối với học sinh hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, dân tộc.	27	473.000	12.771.000

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

STT	Các quỹ theo quy định, quỹ đặc thù	Số tiền trích cuối năm 2024	Ghi chú
1	Quỹ Khen thưởng	78.960.584	
2	Quỹ Phúc lợi	157.921.167	
3	Quỹ Bổ sung thu nhập	394.802.917	
4	Quỹ Phát triển sự nghiệp	157.921.167	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong các hoạt động, nhà trường đều có kế hoạch, phân công và tổ chức thực hiện, có kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm cho từng giai đoạn thực hiện. Kết quả cụ thể như sau (Học kì 1 2025-2026):

* Hội thi cấp xã:

- Giải Nhất hội thi vẽ tranh "Em yêu chú bộ đội" năm 2025.
- Giải Nhì hội thi vẽ tranh chào mừng Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Nhà Bè lần thứ I năm 2025.
- Giải Khuyến khích hội thi "Kể chuyện theo sách" lần thứ I năm 2025.

- Giải Khuyến khích hội thi “Kiến thức muôn màu” năm 2025.
- Giải Khuyến khích hội thi làm lồng đèn Trung thu năm 2025.
- Đại hội TDTT xã Nhà Bè lần I năm 2025:
 - + Môn Bơi lội: 02 huy chương Vàng, 01 huy chương Đồng.
 - + Môn đẩy gậy: Đạt 3 huy chương Đồng.
 - + Môn Vovinam đạt 3 huy chương Đồng.
 - + Môn Điền kinh đạt 2 huy chương Vàng, 2 huy chương Bạc, 1 huy chương Đồng.
- * Hội thi cấp thành phố
 - 04 GV tham gia Hội thi “Thiết kế bài giảng STEM”.
 - 03 đề tài tham gia Hội thi Khoa học kỹ thuật.
 - 01 HS dự thi Giải toán trên máy tính cầm tay.
 - 07 HS dự thi Khéo tay kỹ thuật.

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường THCS Phước Lộc, huyện Nhà Bè năm 2025 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT./

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT.



Đặng Minh Triết